CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07./BC- VIM	*Lào Cai, ngày 22 tháng 01 năm 2026*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội
- Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

I. Thông tin chung:

1. *Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Khoáng sản Viglacera
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200284005
- Vốn điều lệ: 12.500.000.000đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12.500.000.000đ
- Địa chỉ: Tổ dân phố Văn Quỳ, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai.
- Website: khoangsanviglacera.com
- Mã cổ phiếu (*nếu có*): VIM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần khoáng sản Viglacera tiền thân là Công ty Liên doanh Yên hà được thành lập vào Ngày 20 tháng 9 năm 2000. Đến năm 2007 cổ phần hoá đổi tên thành Công ty cổ phần Khoáng sản Viglacera.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác và chế biến khoáng sản phục vụ cho ngành gốm, sứ và thuỷ tinh.

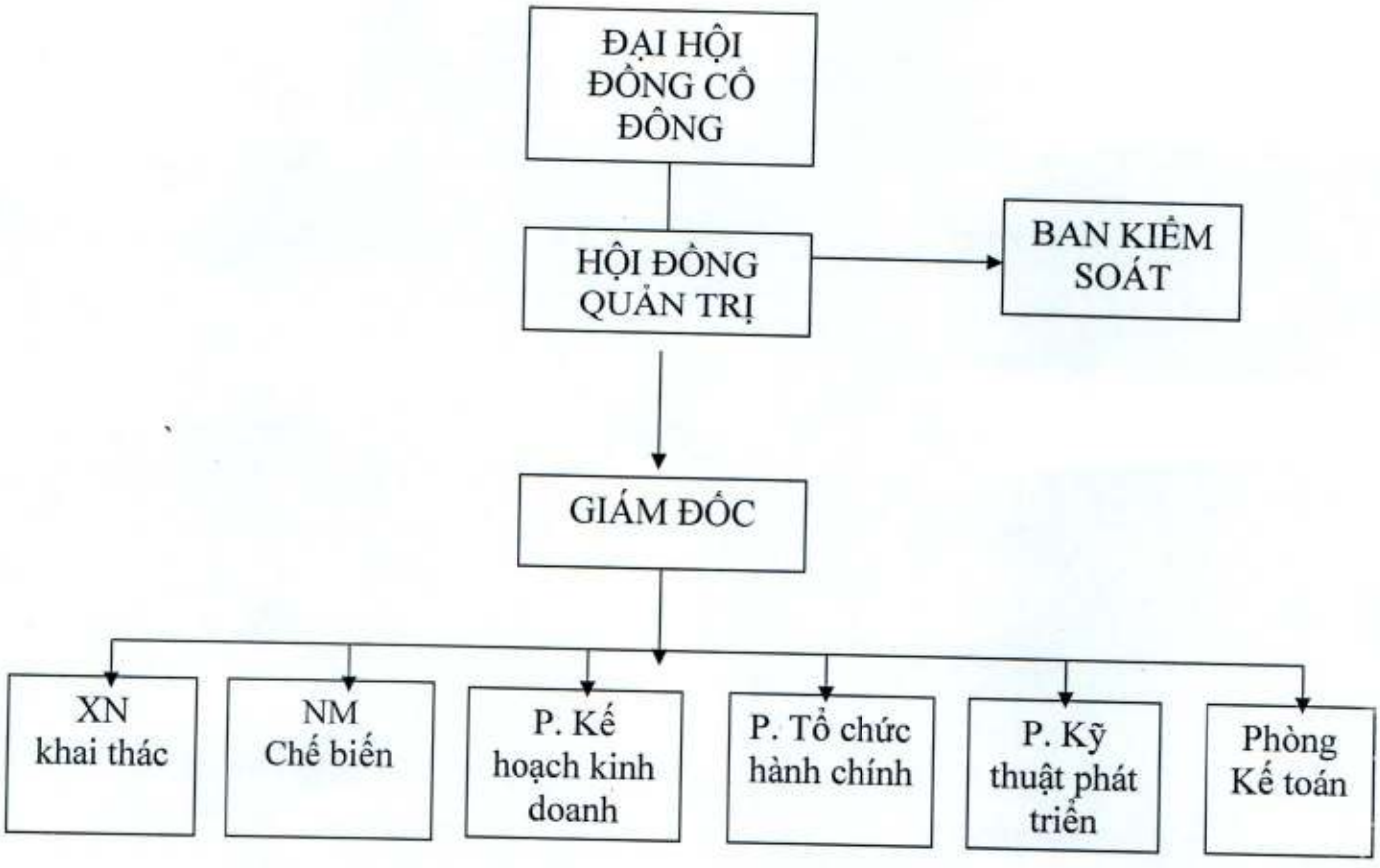
- Địa bàn kinh doanh: Khai thác và chế biến nguyên liệu tại tỉnh Yên Bái, Bán hàng trong nước các khu vực Bắc, Trung, Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cổ phần, do đó cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA
Ký ngày: 26/1/2026 14:18:18



4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển doanh nghiệp bền vững cung cấp cho thị trường các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đáp ứng được nhu cầu đổi mới, bắt kịp đà phát triển của ngành nghề hoạt động và xã hội.

Công ty xác định nâng cao chất lượng sản phẩm là điều kiện tiên quyết để công ty tồn tại và phát triển cụ thể:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản mỏ, mở rộng hiện trường khai thác.

+ Đầu tư cải tạo dây truyền nghiền năng xuất, chất lượng tạo ra các sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

+ Tiêu thụ sản phẩm: Giữ vững khách hàng truyền thống, phát triển thêm khách hàng mới bán các sản phẩm có giá trị cao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường xã hội và cộng đồng)

+ Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty nhằm đảm bảo sức khoẻ cho người lao động trong công ty và cộng đồng dân cư địa phương.

+ Hàng năm Công ty thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương như ủng hộ làm đường liên thôn, xây nhà văn hoá, ủng hộ tết vì người nghèo tại các địa phương nơi công ty có trụ sở và mỏ.

5. Các rủi ro:

Do ảnh hưởng của thời tiết khí hậu những năm gần đây diễn biến bất thường nên đã ảnh hưởng lớn đến việc khai thác nguyên liệu tại các mỏ.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kì 2024	Năm 2025		So sánh TH/KH	
				Kế hoạch	Thực hiện	Năm 2024	Năm 2025
1	Lợi nhuận trước thuế	*Triệu đồng*	1.571	1.677	1.770	110%	106%
2	Doanh thu	*Triệu đồng*	65.893	71.272	68.805	92%	97%
3	Khấu hao cơ bản	*Triệu đồng*	843	826	794	96%	96%
4	Phải thu của khách hàng	*Triệu đồng*	15.422	15.000	21.058	103%	140%
5	Tồn kho thành phẩm	*Triệu đồng*	1.451	2.000	1.992	73%	100%
6	Thu nhập bình quân	*Tr.đồng/Người/ Tháng*	13.948	13.599	15.367	104%	113%
7	Lao động bình quân	*Người*	52	55	47	87%	85%
8	Sản lượng sản xuất	*Tấn*	59.223	62.460	65.119	87%	104%
9	Sản lượng tiêu thụ	*Tấn*	60.211	62.460	64.347	88%	103%
10	Sản lượng khai thác	*Tấn*	50.087	44.757	60.395	82%	135%

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

+ Sản lượng sản xuất: Đạt 104% kế hoạch năm.

+ Sản lượng tiêu thụ: Đạt 103% kế hoạch năm.

+ Sản lượng khai thác: Đạt 135% kế hoạch năm.

+ Doanh thu: Đạt 97% kế hoạch năm.

+ Lợi nhuận: Đạt 106% kế hoạch năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm còn một số chỉ tiêu chưa hoàn thành nhưng chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức danh	Tóm tắt lý lịch
1	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Nguyên Chủ tịch HĐQT	- Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 03/06/1964 - Nơi sinh: Hải Dương - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá Silicat - Miễn nhiệm từ ngày 17/11/2025
2	Ông Ngô Xuân Thắng	Chủ tịch HĐQT	- Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 04/06/1982 - Nơi sinh: Hà Nội - Trình độ chuyên môn: Cử nhân điện tử truyền thông, tiến sỹ kinh tế quốc tế. - Bổ nhiệm từ ngày 17/11/2025
3	Ông Lê Ngọc Long	UV HĐQT Giám đốc công ty	- Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 03/09/1968 - Nơi sinh: Lào Cai - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chuyên dùng
4	Ông Phạm Văn Doanh	UV HĐQT	- Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 24/02/1978 - Nơi sinh: Yên Bái - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa
5	Nguyễn Hương Thảo	PT Kế toán	- Giới tính: Nữ - Ngày tháng năm sinh: 29/12/1987 - Nơi sinh: Yên bái - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ông Nguyễn Mạnh Hà thôi không là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 17/11/2025.

- Số lao động có mặt đến 31/12/2025 là 41 người; trong đó:

Phân loại theo trình độ		Lao động	Tỷ lệ (%)
Đại học trở lên		13	31.7%
Cao đẳng, trung cấp		04	9.8%
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật, chưa qua đào tạo		24	58.5%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2025 công ty tiến hành khai thác kịp thời gian hết hạn giấy cấp phép mỏ Phai Hạ cũng như các công tác cần thiết. Tiếp tục khai thác quặng mỏ Hồ Xanh và xúc tiến xin cấp mới mỏ Hồ Xanh.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

ĐV tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	45.661	51.745	113%
2	Doanh thu thuần	65.892	68.805	104%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.579	383	24%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.570	1.770	113%
6	Lợi nhuận sau thuế	994	1.296	130%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
	Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,695	1,599	
	+ Hệ số thanh toán nhanh			
1	Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,82	0,862	
	Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,491	0,545	
2	+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,963	1,196	
	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	3,2	3,1	
	+ Vòng quay tổng tài sản			
3	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	1,443	1,330	
	Chỉ tiêu về năng lực sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,015	0,019	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,022	0,055	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,022	0,025	
4	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,024	0,006	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

a) Cổ phần, Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / VĐL (%)
I	**Cổ đông trong nước**				
1	Cổ đông tổ chức	2	637.700	6.377.000.000	51.01%
2	Cổ đông cá nhân	207	601.490	6.014.900.000	48.13%

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / VĐL (%)
I	**Cổ đông nước ngoài**				
1	Cổ đông tổ chức				-
2	Cổ đông cá nhân	5	10.810	108.100.000	0.86%
II	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-	-
	Tổng cộng		**1.250.000**	**12.500.000.000**	**100%**

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

d) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 65.119 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do đặc thù của sản phẩm nêm công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện: 2.143.820 KW
- Dầu DO: 22.148 Lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Thay thế các bóng điện huỳnh quang thông thường bằng các bóng đèn tiết kiệm điện; Tuyên truyền, xây dựng ý thức tiết kiệm điện cho người lao động như tắt đèn, máy lạnh, máy tính …. trước khi rời khỏi nơi làm việc.

Kiểm tra, sửa chữa thay thế đường dây cũng như thiết bị điện cũ, rò rỉ trong hệ thống điện thường xuyên. Bảo đảm an toàn cũng như tiết kiệm điện năng.

Hạn chế sản xuất trong giờ cao điểm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có.*

6.4. Tiêu thụ nước:

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm: 3.419 m^3.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Yên Bái.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu công ty luôn ý thức rằng hoạt động sản xuất của công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về môi trường như: Thực hiện quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 4 lần/ năm.

- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu xấu đến môi trường như: thu gom, phân loại chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại và sử lý theo đúng quy định.

- Việc thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường nên Công ty không bị sử phạt vi phạm không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng lao động: 47 người đạt 85% kế hoạch

+ Mức lương bình quân: 15.367.000 đ/ người/ tháng đạt 113% kế hoạch

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

+ Thời gian làm việc: 8h /ngày

+ Đối với công nhân làm việc theo ca:

- Ca 1 bắt đầu tư 6h và kết thúc vào 14h, nghỉ giữa ca 45phút
- Ca 2 bắt đầu tư 14h và kết thúc vào 22h, nghỉ giữa ca 45phút
- Ca 3 bắt đầu tư 22h và kết thúc vào 6h, nghỉ giữa ca 45phút

(Thời gian nghỉ giữa ca được tính vào thời gian làm việc)

+ Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

+ Thực hiện tốt công tác an toàn- vệ sinh lao động như: khám sức khoẻ định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại. Tổ chức các lớp học an toàn lao động, vệ sinh lao động và cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc.

+ Công ty duy trì mô hình bếp ăn tập thể theo nguyên tắc một chiều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, hàng ngày lưu mẫu thức ăn theo quy định của Bộ Y tế, thực phẩm sử dụng đều có nguồn gốc rõ ràng.

+ Công ty vận dụng nhiều chính sách phúc lợi như: Tổ chức cho CBCBV - NLĐ đi nghỉ mát, tặng quà ngày 8/3 và 20/10 và các ngày lễ lớn trong năm. Tổ chức khen thưởng cho con CBCNV có thành tích cao trong học tập và tặng quà các ngày 1/6 và rằm trung thu. Thăm hỏi ốm đau, thai sản, phúng viếng tứ thân phụ mẫu người thân vợ, chồng con của CBCNV - NLĐ qua đời.

+ Công tác đào tạo công ty hết sức quan tâm: Như cử cán bộ tham gia các lớp huấn luyện về sơ cấp cứu ban đầu do trung tâm y tế dự phòng tỉnh tổ chức, các lớp tập huấn do Tổng công ty Viglacera - CTCP và tỉnh bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số người đào tạo trung bình mỗi năm: 47 người, theo các nhóm lao động

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp*: không có*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

- Trong năm công ty đã ủng hộ:

+ Ủng hộ miền trung sau bão lũ: 15.000.000 đồng

+ Quỹ người nghèo: 3.000.000 đồng

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2025, tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Tổng doanh thu: 68,805 tỷ; đạt 97% kế hoạch năm

Lợi nhuận trước thuế: 1,770 tỷ; đạt 106% kế hoạch năm

Nộp ngân sách: 6,036 tỷ; đạt 83% kế hoạch năm

2. Tình hình tài chính:

Trong năm 2025, tình hình tài chính ổn định, đảm bảo được dòng vốn cho sản xuất và trả nợ ngắn hạn, không để nợ đọng thuế, bảo hiểm.

Công tác thu hồi công nợ trong năm còn tồn đọng nhiều, dư nợ của khách hàng tăng cao.

Sau đây là báo cáo các chỉ tiêu tài sản và nguồn vốn năm 2025 so với năm 2024:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % tăng/giảm
A	B	1	2	3=2/1*100
1	Tài sản ngắn hạn	33.485	40.708	122%
	- Tiền và các khoản tương đương Tiền	2.734	2.660	97%
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	13.262	19.027	143%
	- Hàng tồn kho	17.294	18.807	109%
	- Tài sản ngắn hạn khác	194	263	136%
2	Tài sản dài hạn	12.175	11.037	91%
	- Tài sản cố định	7.415	6.621	89%
	- Tài sản dài hạn khác	1.782	1.319	74%
	Cộng giá trị tài sản	**45.661**	**51.745**	**113%**
1	Nợ phải trả	22.397	28.179	126%
	Nợ ngắn hạn	19.757	25.460	129%
2	Vốn chủ sở hữu	23.264	23.566	101%
	Cộng nguồn vốn	**45.661**	**51.745**	**113%**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Chú trọng công tác tư tưởng CBCNV, giữ vững đoàn kết, đồng thuận để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra, tăng cường công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong năm 2025 Công ty tiếp túc nghiên cứu các sản phẩm mới có giá trị cao, phát triển thêm thị trường mới.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: *Không có*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật vào sản xuất nhằm góp phần bảo vệ môi trường tốt hơn.

b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động xã hội, từ thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

+ Về nguồn nguyên liệu: Đầu năm công ty có 02 mỏ đang khai thác, đến tháng 7 năm 2025 mỏ Phai Hạ hết hạn cấp phép khai thác, hiện tại công ty có 01 mỏ khai thác. Tuy nhiên lượng quặng dự trữ có số lượng và chất lượng ổn định đảm bảo đủ sản lượng cho sản xuất.

+ Về Chế biến: Nhà máy có công suất thiết kế là 100.000, tấn/năm. Năm 2025 công ty đã hoạt động đạt 65% công suất.

+ Về công tác kinh doanh: Công ty đã có các khách hàng truyền thống, ổn định và lâu dài.

+ Về công tác tài chính: Sử dụng ngồn vốn đúng mục đích, chặt chẽ.

+ Công tác thu hồi công nợ: một phần nợ đọng đã giảm tuy nhiên phát sinh nhiều công nợ mới, dẫn đến số dư công nợ cao hơn kế hoạch.

+ Công tác đoàn thể:

- Tiếp tục thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các quy định đã ký trong Thoả ước lao động tập thể.

- Thông tin đầy đủ cho người lao động về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban giám đốc công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những nội dung của Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, triển khai đến từng cán bộ quản lý, phòng ban và đơn vị trực thuộc.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các quy định, quy chế của Công ty trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty, nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với yêu cầu mới của khách hàng.

- Tiến hành xin cấp phép mỏ Hồ Xanh.

- Trú trọng công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế thừa.

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp về sử dụng lao động để giảm chi phí, tăng năng suất, hiệu quả.

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế Hoạch	Thự Hiện	So sánh KH/TH
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.677	1.770	106%
2	Khấu hao TSCĐ	"	826	794	96%
3	Tồn kho thành phẩm	"	2.000	1.992	99,6%
4	Dư nợ phải thu	"	15.000	21.058	140%
5	Lao động bình quân	Người	55	47	85%
6	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/t	13.599	15.367	113%
7	Giá trị SXKD	Tr.đ	71.272	68.805	97%
8	Sản lượng khai thác	Tấn	44.757	60.395	135%
9	Sản lượng sản xuất	Tấn	62.460	65.119	104%
10	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	62.460	64.347	103%
11	Sản lượng tồn kho	Tấn	2.000	3.591	180%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	7.306	6.036	83%

b. Các nhóm giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026:

*** Về công tác sản xuất :**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết theo từng tháng, quý, năm sát với tình hình thực tế, có điều chỉnh cho phù hợp, chuẩn bị tốt nguồn lực như vật tư, con người. Dự kiến năm 2026 sản xuất: 52.225 tấn.

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng và giá trị cao. Tìm các nguồn nguyên liệu tốt để làm ra sản phẩm chất lượng cao thay thế hàng nhập.

- Khoán chi phí đến từng bộ phận. Quản lý chặt chẽ các chi phí theo phương án khoán bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Tiết giảm chi phí, tăng sản lượng, tăng thu nhập cho người lao động.

- Sửa chữa máy móc thường xuyên và định kỳ đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- Tìm kiếm phát triển thị trường mới bán các loại sản phẩm truyền thống và các loại sản phẩm có giá trị cao.

*** Về công tác tổ chức:**

- Sử dụng hợp lý nguồn nhân lực và cơ sở vật chất sẵn có. Đảm bảo đời sống việc làm, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Trú trọng công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh; xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế thừa, tạo điều kiện để lao động trẻ học tập và phát huy năng lực.

- Làm tốt công tác tư tưởng đối với người lao động, quan tâm và bảo vệ quyền lợi ích chính đáng cho người lao động.

- Rà soát các quy chế đã ban hành và ban hành tiếp những quy chế còn thiếu để công tác quản trị doanh nghiệp được chặt chẽ hơn.

*** Về công tác tài chính:**

- Nghiên cứu tái cơ cấu nguồn vốn, quản lý sử dụng tốt nguồn vốn vay.

- Tập trung thu hồi công nợ tồn đọng để bổ xung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Rà soát các định mức chi phí, định mức kinh tế kỹ thuật nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh.

*** Các công tác khác:**

Năm 2026 Công ty tiếp tục củng cố và phát huy vai trò nhiệm vụ của các tổ chức chính trị như: Đảng, Công đoàn, trong việc động viên CBCNV yên tâm sản xuất, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thi đua thực hiện tốt các mục tiêu SXKD đã đề ra, tiếp tục phát động các phong trào thi đua thiết thực.

Quán triệt mọi cá nhân, tổ chức trong Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định của Pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ.

Động viên khuyến khích người lao động tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác và ý thức trách nhiệm với doanh nghiệp, hiểu và làm đúng pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ với gia đình, địa phương nơi cư trú và với xã hội.

V. Quản trị công *ty*:

***1. Hội đồng quản trị*:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số vốn và đại diện phần vốn
I	**Do Tổng công ty cử**		
1	Ngô Xuân Thắng	Chủ tịch HĐQT	3.250.000.000
2	Lê Ngọc Long	UV-HĐQT,Giám đốc Công ty	2.000.000.000
3	Phạm Văn Doanh	UV- HĐQT	1.125.000.000
II	**Do bên ngoài cử/công ty cử**		
1	Lưu Văn Lấu	UV- HĐQT	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ theo điều lệ Công ty, chỉ đạo và theo dõi sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp đánh giá về kết quả sản xuất từng kỳ và triển khai kế hoạch các kỳ tiếp theo, theo tháng, quí, năm, triển khai các công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông cũng như sử lý các công việc phát sinh khác. Kết quả các kỳ họp đều có các chỉ đạo định hướng cụ thể về kế hoạch sản xuất kinh doanh giao cho Ban điều hành thực hiện.

c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở cổ phần có quyền biểu quyết
I	**Do Tổng công ty cử**		
1	Phạm Ngọc Bích	Trưởng Ban Kiểm soát	
II	**Do bên ngoài cử**		
1	Lê Ngân Bình	Thành viên Ban kiểm soát	
2	Bùi Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ tài liệu, chứng từ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty.

- Trong năm tổ chức họp 04 cuộc.

- Xem xét các báo cáo tài chính; báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tuần. Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập, xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán, đồng thời giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra (nếu có) để có kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Phụ cấp	Ghi chú
I	**Hội đồng quản trị:**	**114.000.000**	
1	Nguyễn Mạnh Hà	30.000.000	Chủ tịch HĐQT từ 15/4/2022 đến 17/11/2025
2	Ngô Xuân Thắng	6.000.000	Chủ tịch HĐQT từ ngày 17/11/2025
3	Lê Ngọc Long	30.000.000	UV HĐQT- Giám đốc Công ty từ 15/4/2022

4	Phạm Văn Doanh	24.000.000	UV HĐQT - PT kỹ thuật
5	Lưu Văn Lấu	24.000.000	UV HĐQT
II	**Ban Kiểm soát:**	**48.000.000**	
1	Phạm Ngọc Bích	27.000.000	Trưởng Ban kiểm soát
2	Lê Ngân Bình	09.000.000	Thành viên BKS từ 12/4/2025
3	Bùi Thị Hồng Hạnh	12.000.000	Thành viên BKS từ 1/4/2023

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Các công việc thực hiện quản trị công ty, Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Trong thời gian tới để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Công ty cử cán bộ theo học các lớp tập huấn về quản trị công ty do các cơ quan chứng khoán mở và đào tạo.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Khoáng sản Viglacera tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

SĐKKD: 5200284005 - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA
TP. YÊN BÁI - T. YÊN BÁI

GIÁM ĐỐC
Lê Ngọc Long